TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phc

Bản án số: 147/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22-11- 2017.
V/v Tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Phan Minh Trâm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Huỳnh Văn Thanh**.

Bà **Nguyễn Thị Kim Hạnh**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Văn Luận**, là thư ký Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Ông **Nguyễn Đức Hùng** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 397/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2017 về việc *"Tranh chấp xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2017/QĐXX-ST ngày 07/11/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Tuyết Ng**, sinh năm 1983.
HKTT: Ấp A, xã CS, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.
Chổ ở hiện nay: ấp LP, xã MPT, thị xã CL, Tiền Giang.
- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Triệu B**, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Ấp A, xã CS, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

(chị Ng, anh B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết Ng trình bày: Chị và anh B chung sống với nhau vào năm 2008 và đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng với nhau về quan điểm sống và mâu thuẫn về tiền bạc. Chị và anh B đã sống ly thân từ

tháng 09 năm 2016 cho đến nay. Nay, chị Ng xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Triệu Tuyết Ng1- sinh ngày 22/07/2009 và Nguyễn Minh Ph- sinh ngày 14/12/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

***** Tại bản tự khai ngày 03/11/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn là anh Nguyễn Triệu B trình bày: Anh và chị Ng chung sống với nhau vào năm 2007 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì hết và cũng không có sống ly thân, hiện anh sống bên nhà ba mẹ ruột của anh, anh vẫn đi về lo cho vợ con. Nay, chị Ng có đơn xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung anh thống nhất với trình bày của chị Ng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Ph- sinh ngày 14/12/2011và không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi cháu Ph Anh đồng ý giao Nguyễn Triệu Tuyết Ng1- sinh ngày 22/07/2009 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của cháu Ng1, đồng ý cấp dưỡng cho cháu Ng1 mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu Ng1 trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Ng và anh B xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nay anh chị đều thống nhất tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn, vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết Ng và anh Nguyễn Triệu B.

Về con chung, xét thấy yêu cầu của chị Ng là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ng1 và cháu Ph cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng1, đối với cháu Ph còn quá nhỏ hiện đang sống ổn định với chị Ng. Anh B không chứng minh được đủ điều kiện nuôi cháu Ph nếu giao cháu Ph cho anh B

nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định của pháp luật, do chị Ng yêu cầu.

Về tài sản chung, anh chị thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thấy, chị Nguyễn Thị Tuyết Ng và anh Nguyễn Triệu B sống chung vào năm 2008, có đăng ký kết hôn, hôn nhân do tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh Phc do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn về tiền bạc, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2016 đến nay. Nay, chị Ng yêu cầu được ly hôn với anh B và anh B cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị khó có thể hàn gắn được nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hết hai con chung là Nguyễn Triệu Tuyết Ng1- sinh ngày 22/07/2009 và Nguyễn Minh Ph- sinh ngày 14/12/2011, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành. Anh B yêu cầu được nuôi cháu Ph, đồng ý giao cháu Ng1 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng cho cháu Ng1 mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Ng1 trưởng thành.

Xét thấy, từ khi chị Ng sinh con, anh B phải đi làm ăn xa, chị Ng là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Hiện tại, cháu Ph mới hơn 6 tuổi, cuộc sống và môi trường học tập của cháu đã ổn định, tình cảm chị em giữa cháu Ng1 và cháu Ph đã gắn bó với nhau từ nhỏ. Vì vậy, để tình cảm chị em của hai cháu không bị ảnh hưởng đồng thời để cuộc sống của cháu Ph và cháu Ng1 được ổn định về vật chất lẫn tinh thần, nên Hội đồng xét xử xét thấy giao hai cháu cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của cháu Ng1 là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Do anh B không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, việc chị Ng yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành là cao, vì vậy xét thấy cần thiết điều chỉnh lại mức cấp dưỡng cho phù hợp nên Hội đồng xét xử buộc anh B cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành là phù hợp khoản 2 Điều 82, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận và nợ chung, không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí**:** Chị Ng phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo qui định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết Ng với anh Nguyễn Triệu B.

2/ Về con chung: Giao cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Triệu Tuyết Ng1- sinh ngày 22/07/2009 và Nguyễn Minh Ph- sinh ngày 14/12/2011.

- Buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) / tháng. Thời gian bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ khi án có hiệu lực cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động được.

Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 14877 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang được chuyển sang án phí.

Anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Chị Ng và anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã CS, huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Phan Minh Trâm